

---

## NGHIÊN CỨU

---

# Vân Đồn - Quảng Ninh trong chiến lược biển Việt Nam Tiềm năng và triển vọng phát triển

Nguyễn Văn Kim\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 08 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 08 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 09 năm 2016

**Tóm tắt :** Là một khu kinh tế trọng điểm, trong quá trình phát triển, chính quyền và nhân dân Vân Đồn, Quảng Ninh đã và đang có nhiều nỗ lực để phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống quật cường, bất khuất; khơi dậy chủ nghĩa yêu nước và lòng tự hào dân tộc. Đó là tư duy phát triển gắn với cốt cách, bản lĩnh Việt Nam. Trong bối cảnh và tư duy chính trị mới, Vân Đồn đang dần phục hưng vị trí cầu nối kinh tế và gắn với các hoạt động kinh tế là các mối giao lưu, quá trình hợp luyện văn hóa giữa Việt Nam với các quốc gia, các nền kinh tế khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh xu thế hợp tác khu vực đang ngày càng trở nên mạnh mẽ, một cộng đồng hợp tác Đông Á đang dần hình thành, việc Chính phủ quyết định thành lập *Khu kinh tế Vân Đồn* là một quyết sách đúng, phù hợp với xu thế vận động của đời sống kinh tế, chính trị khu vực. Vân Đồn được xác định là một khu kinh tế tổng hợp, nhằm khai thác, phát huy và đón nhận những vận hội phát triển của khu vực. Quyết định đó càng trở nên có ý nghĩa khi Việt Nam đã và đang thực hiện *Chiến lược biển Việt Nam*, chủ trương tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế vì sự ổn định, phồn vinh của Đông Á, châu Á và thế giới [1].

*Keywords:* Vân Đồn, Quảng Ninh, tiềm năng kinh tế biển, chiến lược biển.

### 1. Tiềm năng và các nguồn lực của Vân Đồn, Quảng Ninh

Nằm ở vị trí tiền tiêu vùng Đông Bắc của Tổ quốc, với hơn 600 hòn đảo lớn nhỏ, *Khu kinh tế Vân Đồn* bao gồm toàn bộ huyện Vân Đồn với tổng diện tích 2.200km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất tự nhiên là 551,33km<sup>2</sup>, chiếm 9,3% diện tích toàn tỉnh Quảng Ninh. Mặc dù có một phần không gian địa lý tự nhiên gắn với “đất liền” nhưng nhìn một cách tổng quan Vân Đồn là một huyện đảo.

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, từ tháng 3 đến tháng 8 gió Đông Nam đem theo khí hậu biển thổi vào đất liền. Nhưng, từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, khi gió mùa Đông Bắc tràn về, vùng biển đảo Vân Đồn có khí hậu tương đối lạnh, nhiều sương mù. Nhiệt độ ở Vân Đồn thường khoảng 22-24°C, nhiệt độ tối đa không quá 35°C, thấp nhất cũng không dưới 15°C. Lượng mưa bình quân ở đảo Cái Bàu là 1.748mm nhưng ở Bản Sen thuộc quần đảo Vân Hải lượng mưa thường lên tới 2.442mm.

Nằm trên tuyến đường biển Hạ Long - Móng Cái, Vân Đồn có thể thông thương đường

bộ, đường thủy với Trung Quốc và một số quốc gia khu vực Đông Bắc Á. Huyện đảo gần như ôm trọn toàn bộ vịnh Bái Tử Long, giao thông giữa các xã đảo Vân Đồn chủ yếu là đường biển. Đây là không gian địa lý tự nhiên có nhiều đặc trưng riêng biệt đồng thời cũng là tiềm năng, thế mạnh của Vân Đồn. Là một tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn đồng thời là đầu mối giao thông quan trọng, có cảng biển... Quảng Ninh có điều kiện phát triển và trở thành trung tâm kinh tế biển đảo, khai thác than, sản xuất điện, xi măng, cơ khí đóng tàu, lắp ráp, chế tạo ô tô, thiết bị nâng hạ, xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất... Quảng Ninh có dải bờ biển dài và môi trường thuận lợi cho phát triển nghề nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản; vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới, là nơi có thể phát triển các trung tâm du lịch, dịch vụ ngang tầm các nước trong khu vực và quốc tế.

Nhận thức rõ tiềm năng và thế mạnh, Quảng Ninh xác định: “Phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực, đặc biệt là lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế, chính trị, tài nguyên thiên nhiên, nhất là khoáng sản và tiềm năng du lịch để Quảng Ninh cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015” [2]. Huyện đảo Vân Đồn đã xây dựng một hệ thống các bến cảng: Xã Vạn Yên có bến cảng Vạn Hoa, thị trấn Cái Rồng có cảng Cái Rồng... Từ đây, tàu thuyền có thể đi đến tất cả các xã đảo. Hiện nay, tuyến giao thông nối liền giữa Cái Rồng - Trung tâm huyện đảo Vân Đồn với các huyện khác trong tỉnh đã có nhiều thuận lợi. Từ quốc lộ 18, qua Cửa Ông, vượt cầu Vân Đồn (cầu Tài Xá) 7km là đến trung tâm huyện đảo<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Đường giao thông trong nội bộ huyện bao gồm: Đường 334 nối Tài Xá với cảng Vạn Hoa dài 41,7km, đoạn Cái Rồng - Đài Xuyên dài 17km, đường Quan Lạn - Minh Châu dài 12km, đường nối Trà Bản với Minh Châu, Bản Sen, Quan Lạn dài 12,8km, đường trên đảo Ngọc Vũng dài 8,5km, đường trên đảo Thắng Lợi dài 4 km Việc thông cầu Bãi Cháy và cầu Vân Đồn đã rút ngắn thời gian đi từ Bãi Cháy đến Cái Rồng chỉ còn 1 giờ. Năm 2007, việc mở tuyến xe bus Bãi Cháy - Vân Đồn đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho nhân dân địa phương và du khách đến thăm quan các di tích lịch sử - văn hóa và du lịch, nghỉ dưỡng. Trong tương lai, Vân Đồn sẽ tiếp tục phát huy được thế

Trong những năm qua, thông qua “Chương trình Biển Đông” nhiều cảng biển và cầu cảng đã được xây dựng trên tất cả các xã đảo. Nhiều xã đảo của huyện Vân Đồn còn nằm trên tuyến chính của đường biển quốc gia. Từ Bãi Cháy hay Cái Rồng đều có thể theo các lạch biển đến Vườn Quốc gia Bái Tử Long và từ đảo Lỗ Hố hay đảo Sâu Đông đến Cửa Đồi. Ngoài ra, còn có luồng biển từ các tỉnh duyên hải Bắc Bộ đến Hải Nam hay Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Từ Vân Đồn, tàu thuyền có thể đến Hongkong, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc... một cách thuận lợi. Trong quan hệ quốc tế, các luồng, lạch biển tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc vận tải, mở rộng các mối giao thương.

Để phát triển *Khu kinh tế Vân Đồn*, thị trấn Cái Rồng có vai trò quan trọng. Thị trấn cách thành phố Hạ Long gần 50km, cách Cửa Ông 7km. Phía Bắc giáp vùng biển huyện Tiên Yên và Đầm Hà, phía Tây giáp thị xã Cẩm Phả, phía Đông giáp huyện đảo Cô Tô, phía Nam giáp vịnh Hạ Long và vùng biển Cát Bà. Dân số toàn huyện trên 44.500 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,11%. Số người trong độ tuổi lao động, tức là từ 18 đến 60 tuổi chiếm 40,3%, số lao động trong các ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 87%, trong đó lao động ngành thủy hải sản chiếm 26%, công nghiệp - xây dựng chiếm 6,4%, thương mại - dịch vụ chiếm 6,6%. Hiện nay, mật độ dân số ở đảo Cái Rồng là 80 người/km<sup>2</sup>, cư dân tập trung cao nhất ở thị trấn Cái Rồng và xã Đông Xá.

Như vậy, để thực hiện các mục tiêu phát triển, cần khống chế mức tăng dân số tự nhiên, hướng tới tăng dân số cơ học với việc thu hút đội ngũ chuyên gia và những người lao động có tay nghề cao tham gia trong các hoạt động dịch vụ, du lịch và các cơ sở công nghiệp. Trong kế hoạch phát triển, trọng tâm khu vực lập quy hoạch là đảo Cái Bầu, quy mô tương đương đô thị loại 3 với dân số từ 15 đến 18 vạn dân. Cùng với Cái Bầu là các xã đảo Quan Lạn, Minh

mạnh khi quốc lộ 18A sẽ đi qua trung tâm huyện, bắc cầu Vân Tiên, qua eo biển sang Mũi Chùa (Tiên Yên) nối với đường 4B. Con đường này sẽ kết nối sự giao lưu giữa đồng bào các tỉnh Việt Bắc, Tây Bắc với Vân Đồn.

Châu, Ngọc Vòng, Vạn Cảnh, Thắng Lợi, khu vực Vườn Quốc gia Bái Tử Long (đảo Ba Mùn) và các đảo lân cận có địa giới hành chính giáp với Vân Đồn.

Diện tích đất nông nghiệp của huyện rất hạn chế, chỉ với 1.242ha, trong đó vùng đất có thể trồng lúa chỉ là 600ha. Đất bạc màu, pha cát, thiếu nước tưới nên năng suất canh tác thấp. Tuy nhiên, Vân Đồn có 68% đất tự nhiên là rừng và đất rừng với hàng nghìn ha rừng. Rừng Vân Đồn có nhiều loại gỗ quý như: Lim, táu, nghiến, mun, kim giao... Trong kho tàng tri thức dân tộc, gỗ kim giao thường dùng để chế thành dũa dăng lên các bậc quyền quý vì tính năng kháng độc, phát hiện ra chất độc của nó. Trong số các nguồn lâm sản quý còn có gỗ Mần lái dùng cho những công trình kiến trúc lớn, bền vững. Đình Quan Lạn nổi tiếng và một số công trình kiến trúc cổ khác ở vùng biển đảo cũng sử dụng loại gỗ quý này. Điều đáng chú ý là, gỗ mần lái dường như không thấy ở các vùng khác. Rừng Vân Đồn cũng có nhiều loại dược liệu quý như: Ba kích, đẳng đẳng, ngũ gia bì... Rừng, đảo Vân Đồn có nhiều chim, thú quý như: Bồ câu nâu, báo gấm, báo lửa, sơn dương, khi lông vàng, voọc đầu bạc, đại bàng đất, công, trĩ, hươu sao, lợn rừng, trăn đất, kỳ đà hoa v.v... Biển Vân Đồn có nhiều sản vật quý như: Rùa hộp ba vạch, trai ngọc, bào ngư, vich, đồi mồi...

Đảo Ba Mùn là khu vực rừng nguyên sinh, được quy hoạch là rừng quốc gia và được Chính phủ cho thực hiện dự án xây dựng “Vườn quốc gia Bái Tử Long” với nhiều chương trình và vốn đầu tư lớn. Vườn Quốc gia Bái Tử Long là nơi tập trung hệ sinh thái đa dạng với nhiều nguồn *gen* có giá trị cao với hệ động thực vật có 1.909 loài. Trong đó, hệ sinh thái rừng có 1.028 loài gồm các nhóm thực vật bậc cao bao gồm thú, chim, bò sát, lưỡng cư. Hệ sinh thái biển có 881 loài gồm thực vật ngập mặn, rong biển, thực vật phù du, động vật phù du, giun đốt, thân mềm, giáp xác, da gai, san hô, cá. Tổng số loài quý hiếm của Vườn Quốc gia lên đến 102 loài, trong đó có 72 loài động vật và 30 loài thực vật được ghi trong sách đỏ Việt Nam. Từ lâu các

ran san hô ở vườn quốc gia này đã có sức thu hút lớn đối với các nhà nghiên cứu và du khách.

Được coi là một trong những hệ sinh thái đa dạng nhất trên thế giới đồng thời được ví như một “Rừng mưa nhiệt đới dưới đáy biển” Vườn Quốc gia là nơi bảo tồn nhiều loài san hô quý hiếm đồng thời cũng là nơi cư trú, sinh sản, kiếm sống của nhiều loài hải sản. Hệ sinh thái ran san hô còn có năng suất sinh học cao, là nguồn sản sinh ra các chất hữu cơ, cung cấp thức ăn không chỉ cho chính nó, cho các sinh vật sống trong ran san hô mà còn có ý nghĩa cho toàn vùng biển. Vì vậy, đây là nơi lưu giữ nguồn *gen* của nhiều loài hải sản. Ran san hô cũng rất nhạy cảm với những biến đổi của môi trường sống nên nó còn có ý nghĩa chỉ báo về điều kiện, môi trường sinh thái.

Vườn Quốc gia Bái Tử Long không chỉ là một bảo tàng thiên nhiên phong phú, giàu trữ lượng mà còn là điểm du lịch hết sức hấp dẫn. Với các chuyên gia địa chất, hiện tượng gổ lên nhau của hai thân đảo dưới tác động của những vận động địa chất ở phần tiếp giáp giữa đảo đất với đảo đá vôi trên đảo Trà Ngọc có thể coi là một hiện tượng kỳ thú. Khi thủy triều xuống thấp, những ngân đá hần sâu dưới chân đảo là minh chứng sinh động của các vận động địa chất hải văn, của một thời biển tiến, biển lùi diễn ra trong lịch sử. Tất cả đều tạo nên sức hấp dẫn, vẻ đẹp tự nhiên của Vườn Quốc gia đồng thời là sự thể hiện những tiềm năng độc đáo của huyện đảo Vân Đồn cũng như của Quảng Ninh và cả nước [3].

Có thể nói, tiềm năng lớn nhất của Vân Đồn là những lợi thế về biển đảo. Biển Vân Đồn tương đối sâu và kín, thuận lợi cho tàu thuyền ra khơi vào lộng, tiến hành các hoạt động giao thương, khai thác hải sản. Biển Vân Đồn có cá song, cá chim, thu, nụ, đế, sá sùng, tôm hùm, bào ngư, ốc hương, cua bể... Khó có nơi nào trên cả nước sánh được về chủng loại, số lượng và phẩm cấp hải sản như Vân Đồn. Với bãi biển rộng 160 nghìn ha, tiếp giáp với các ngư trường lớn với một hệ thống các bến cảng và phương tiện tương đối hùng hậu, lao động, chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, việc khai thác, nuôi

trồng, chế biến thủy sản thực sự là một ngành mũi nhọn của huyện đảo.

Trong những năm qua, việc phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ đã đem lại nhiều lợi ích kinh tế cho Quảng Ninh. Việc mở rộng khu vực đánh bắt ra các ngư trường đại dương không chỉ đem lại năng suất cao mà còn góp phần bảo vệ được nguồn lợi hải sản ven bờ. Toàn huyện hiện có 1.220 hộ với 4.919 lao động, sở hữu 905 chiếc thuyền với tổng công suất 40.196 mã lực, chuyên khai thác hải sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng địa phương, trong nước và xuất khẩu. Tàu đánh cá tuyến khơi của Vân Đồn chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số tàu đánh cá của tỉnh Quảng Ninh. Tổng sản lượng khai thác của Vân Đồn mỗi năm trên dưới 13.000 tấn, dẫn đầu toàn tỉnh. Năm 2015, sản lượng khai thác thủy hải sản của Vân Đồn đạt 17.779 tấn. 9 tháng đầu năm 2016 đạt 17.440 tấn, đạt 84,9% kế hoạch. Trong đó, sản lượng khai thác đạt 9.655 tấn, sản lượng nuôi trồng đạt 7.786 tấn. Nhờ lợi thế đó, trong 90 tàu đánh cá và lực lượng lao động chuyên ngành tham gia vào vùng đánh cá chung vịnh Bắc Bộ theo hiệp định ký kết giữa Việt Nam và Trung Quốc thì hầu hết là của Vân Đồn<sup>2</sup>. Vấn đề là, phải có nguồn vốn lớn để vừa bổ sung, nâng cấp phương tiện vừa có thể cạnh tranh trên thương trường quốc tế.

Ở huyện đảo Vân Đồn, từ bao đời nay cư dân Quan Lạn vẫn có truyền thống khai thác sá sùng (còn gọi là giun đất, sa sùng, đồn đột, chặt khoai, địa sâm...). Hiếm nhiên, không chỉ có biển Quan Lạn có sá sùng. Loại sinh vật biển đồng thời cũng là đặc sản này còn có ở nhiều vùng biển Vân Đồn, Quảng Ninh nhưng sá sùng khai thác được ở các bãi triều Quan Lạn là nổi tiếng nhất. Là loại thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao, có tác dụng bổ dưỡng nên nhu

cầu tiêu dùng sá sùng ngày càng cao ở cả thị trường trong nước và quốc tế<sup>3</sup>. Cùng với sá sùng, cá song, cá nục... biển Vân Đồn còn có nhiều mực, sứa. Những năm gần đây, nhu cầu tiêu thụ sứa của vùng châu thổ sông Hồng đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng... tăng lên nhanh chóng<sup>4</sup>. Trước đây, khi ngư dân Vân Đồn khai thác được tôm cá, họ thường đưa đến các chợ địa phương còn phần khác đem về Cẩm Phả, Hồng Gai, Bãi Cháy, Hải Phòng tiêu thụ. Ngày nay, một lượng lớn nguồn thủy hải sản đánh bắt được đưa vào các doanh nghiệp chế biến phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước, xuất khẩu. Tuy nhiên, không ít thương lái khu vực vẫn thường cho tàu thuyền nhập hàng ngay trên biển.

Cùng với việc đánh bắt hải sản tự nhiên, Vân Đồn còn khoanh vùng, nuôi trồng thủy hải sản, làm muối. Phát huy những lợi thế của biển, trong những năm qua, việc nuôi trồng thủy hải sản đã đem lại nhiều nguồn lợi lớn cho cư dân và các doanh nghiệp ở Vân Đồn. Trong số đó, có nghề nuôi trai lấy ngọc. Nghề khai thác ngọc trai, nuôi trai lấy ngọc từ lâu đã là một thế mạnh nổi tiếng, có nhiều tiềm năng của các vùng đảo Ngọc Vũng, Minh Châu, Cô Tô... Từ xưa, ngọc trai Vân Đồn đã được nhiều thương nhân quốc tế ưa chuộng. Hiện nay, ngọc trai Vân Đồn đã là một thương hiệu, được xuất sang nhiều thị trường thế giới, đem lại nguồn ngoại tệ cho đất nước.

<sup>2</sup> Tổng sản lượng khai thác của huyện Vân Đồn đạt 26.400 tấn, trong đó sản lượng thủy, hải sản khai thác đạt 5.850 tấn (kể cả lượng sứa), sản lượng nuôi trồng ước đạt 5.850 tấn. Tổng giá trị thủy, hải sản ước đạt 1.014 tỷ đồng. Năm 2007, sản lượng thủy, hải sản đạt 11.650 tấn, đạt 129,4% kế hoạch, trong đó sản lượng khai thác sứa đạt hơn 9.000 tấn, nuôi trồng đạt hơn 2.500 tấn vượt 35% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng đạt 256,3 tỷ đồng. Dẫn theo: *Vân Đồn - Tiềm năng và cơ hội đầu tư*, Sdd, tr.91.

<sup>3</sup> Cư dân địa phương thường khai thác sá sùng theo con nước, lúc triều xuống là lúc khai thác sá sùng. Khai thác sá sùng phải đi sớm, vì khi nắng lên loài sinh vật biển này chui sâu xuống cát, khó khai thác. Người đi đào sá sùng chủ yếu là phụ nữ, thấy miệng cát, phóng mai xuống, lật cát lên là có thể bắt được sá sùng. Người ta thường xào sá sùng với lá lót hay nấu canh. Sá sùng còn được phơi khô, thường thức với bia, rượu. Năm 2011, ở Vân Đồn 1kg sá sùng giá 4 đến 5 triệu, đem về Cẩm Phả, Hồng Gai - vùng du lịch, có thể đến 6 - 7 triệu. Trong kỹ thuật nấu phở - một đặc sản nổi tiếng của Hà Nội và nhiều địa phương, không thể thiếu được sá sùng. Cùng với xương ống bò, tôm he, thảo quả, gừng, hành nướng v.v.... sá sùng khô tạo nên hương vị đặc trưng của một trong những món ngon nổi tiếng của Hà Nội - Việt Nam.

<sup>4</sup> Ở Vân Đồn, từ tháng 9 đến tháng 5 là vụ sứa. Năm 2011, sứa ở Vân Đồn được mùa, giá chỉ 5.000/1kg nhưng năm 2012 mất mùa, giá sứa tăng lên đến 150.000/kg tức là hơn 7USD/1kg.

Bên cạnh đó, nghề nuôi trồng thủy hải sản được đầu tư phát triển và mở rộng, nhất là nghề nuôi nhuyễn thể. Một số mô hình bước đầu đã đem lại hiệu quả kinh tế cao như nghề nuôi nghêu ở Minh Châu, nuôi ốc ở Ngọc Vũng, tu hài ở Bán Sen... Hiện tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.455ha. Tuy nhiên, nghề nuôi trồng thủy hải sản từng gây ra không ít những hậu quả nghiêm trọng cho cư dân Vân Đồn<sup>5</sup>. Cùng với những vấn đề đặt ra trong việc bảo vệ môi trường, những tổn thất trong giao lưu kinh tế, phát triển sản xuất đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý trong quan hệ kinh tế với các đối tác khu vực.

## 2. Vai trò của khoa học và công nghệ

Trong chiến lược phát triển, cùng với các ngành kinh tế, khai thác các tiềm năng tự nhiên, xã hội, văn hóa, Quảng Ninh cũng luôn coi khoa học và công nghệ (KH&CN) gắn liền với các chính sách, kế hoạch phát triển đồng thời là giải pháp ưu tiên, đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiện nay, Quảng Ninh đang phấn đấu trở thành tỉnh có các hoạt động KH&CN điển hình trong cả nước mà trước hết là với vùng trọng điểm kinh tế châu thổ sông Hồng. Lãnh đạo tỉnh xác định KH&CN là động lực then chốt của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Quảng Ninh. Từ tháng 10-2011, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ký kết “Chương trình Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011-2015”. Đây là một chương trình hợp tác toàn diện về hoạt động KH&CN, với các hoạt động nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh.

<sup>5</sup> Dịch bệnh trong việc nuôi tu hài đầu năm 2012 đã khiến 700 hộ dân vùng Vân Đồn thiệt hại khoảng 200 tỷ đồng. Ngay sau đó, Chi cục nuôi trồng thủy sản - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh đã hỗ trợ cho các hộ nuôi tu hài bị thiệt hại do dịch bệnh. Mặc dù tu hài không có trong danh sách vật nuôi được hỗ trợ dịch bệnh nhưng người dân thiệt hại từ 70% được hỗ trợ 200 đồng/ con giống, từ 30-70% được hỗ trợ 50% mức thiệt hại, với doanh nghiệp được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ gia đình. Điều cần chú ý là, để thu lợi, nhiều hộ dân đã mua con giống cấp 2, mua giống từ các cơ sở bán giống không đăng ký kinh doanh, không qua kiểm dịch.

Thực hiện nội dung của chương trình hợp tác, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều văn bản thể hiện quyết tâm đẩy mạnh các hoạt động KH&CN với nhiều thay đổi trong cơ chế, chính sách. Ngày 18-10-2011, Hội đồng Nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, quyết định dành 4-5% chi thường xuyên từ ngân sách tỉnh đầu tư cho hoạt động KH&CN. Trong đó, tinh ưu tiên cho việc chuyển giao các tiến bộ KH&KT vào sản xuất và đời sống, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy, Quảng Ninh trở thành tỉnh đầu tiên trên cả nước có quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư cho KH&CN, nhằm triển khai có hiệu quả các nguồn vốn dành cho hoạt động KH&CN. Quảng Ninh coi KH&CN là động lực phát triển và thực tế năm 2012 được chọn là “Năm quy hoạch KH&CN” của tỉnh Quảng Ninh.

Nhận thức rõ vai trò của KH&CN với các mục tiêu phát triển xanh, bền vững, ngày 5-5-2012 Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về “Phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”. Theo đó “Khoa học và công nghệ là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển đất nước, là nhân tố chủ yếu phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh. Để xây dựng Quảng Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015, việc phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới là một yêu cầu có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và có tính quyết định” [4]. Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục dành 4-5% tổng chi ngân sách thường xuyên cho lĩnh vực KH&CN. Phấn đấu nâng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 45% giá trị sản xuất công nghiệp [5]. Việc xác định rõ các mục tiêu phát triển đó chính là nhằm tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tất cả các cấp, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, trách nhiệm cũng như ý nghĩa

của các hoạt động KH&CN vì sự phát triển bền vững của tỉnh.

Coi KH&CN là động lực cơ bản thúc đẩy toàn bộ sự phát triển, Quảng Ninh xác định: “Đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; nâng cao giá trị hàm lượng công nghệ trong hoạt động dịch vụ, sản xuất sản phẩm hàng hóa. Đổi mới toàn diện và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ. Tập trung cao cho ứng dụng chuyên giao công nghệ, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh công nghiệp dịch vụ theo hướng hiện đại vào năm 2020 và tầm nhìn 2030 và là mô hình tiên tiến về ứng dụng tiến bộ về khoa học và công nghệ. Phân đầu đến năm 2015 phải đạt đến 40-50% giá trị gia tăng do nghiên cứu ứng dụng khoa học trên một đơn vị sản phẩm sản xuất công nghiệp” [6]. Trong nhận thức của lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh thì: “Đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, dành nguồn lực để đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và tranh thủ khai thác, ứng dụng công nghệ từ các quốc gia phát triển đang là một trong những giải pháp quan trọng mà tỉnh lựa chọn để phát triển xanh, một cách bền vững” [7].

Phối hợp và hỗ trợ mạnh mẽ cho Quảng Ninh, Bộ KH&CN cũng đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ phối hợp với Quảng Ninh xác định các nhiệm vụ trọng tâm và hỗ trợ triển khai. Viện Chiến lược và chính sách KH&CN đã giúp tỉnh xây dựng “*Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030*” đồng thời chỉ đạo Cục Sở hữu trí tuệ giúp tỉnh thực hiện “*Chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Quảng Ninh*” [8]...

Chủ trương quan trọng đó của tỉnh Quảng Ninh hoàn toàn phù hợp với tinh thần Nghị quyết về “*Phát triển KH&CN phục vụ sự*

*nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*” đã được BCH TƯ Đảng khóa XI thông qua tại Hội nghị Trung ương 6 (từ 1-15/10/2012). Cùng với giáo dục và đào tạo, KH&CN được coi là những quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng trong việc bảo đảm thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao vị thế quốc gia, giữ vững chủ quyền, độc lập dân tộc [9].

Trong những năm qua, mức độ tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh đạt bình quân 12,7%/năm. Đây chính là cơ sở để các hoạt động KH&CN của tỉnh có thể tập trung nguồn lực, thu hút đầu tư và tái đầu tư cho các hoạt động KH&CN ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả. Ngân sách của tỉnh đầu tư cho KH&CN giai đoạn 2006-2010 là 138 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần so với giai đoạn 2000-2005. Năm 2011, tỉnh đầu tư cho KH&CN 57,8 tỷ đồng, tăng 112% so với năm 2010. Các hoạt động KH&CN được đẩy mạnh cả về quy mô và phạm vi ứng dụng. Kết quả của nhiều đề tài nghiên cứu đã cung cấp cơ sở, luận cứ khoa học cho lãnh đạo tỉnh cũng như cho các cấp, ngành địa phương trong việc chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Là tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế cao nhưng Quảng Ninh nhận thấy sự phát triển đó chưa thực sự bền vững. Mức tăng trưởng của một số ngành chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế vốn có. Vì thế, để đạt mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015, Quảng Ninh đang nỗ lực để tạo ra các bước đột phá về nguồn nhân lực và thể chế quản lý, đồng thời có giải pháp về KH&CN trong các lĩnh vực về bảo vệ môi trường, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa đặc thù, nuôi trồng, chế biến thủy - hải sản, phát triển các sản phẩm du lịch, xây dựng Khu ươm tạo khoa học (*Scientific incubator*), ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, tạo tiền đề cho việc hoàn thành Khu công nghệ cao, để đến năm 2015 Quảng Ninh có thêm tối thiểu 1 sản phẩm quốc gia dựa trên công nghệ tiên tiến; đồng thời xây dựng từ 1 đến 2 cơ sở nghiên cứu đạt trình độ tiên tiến, từ 4-5 doanh nghiệp khoa học công nghệ. Bên

cạnh đó, tỉnh đang có nhiều biện pháp mở các lớp đào tạo ngắn hạn về nâng cao năng lực quản lý; kỹ năng phân tích, hoạch định, phản biện chính sách cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc các sở, ban ngành trong tỉnh<sup>6</sup>.

Trong tư duy phát triển KH&CN, tỉnh Quảng Ninh chủ trương “Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Tập trung nghiên cứu các vấn đề thực tiễn của địa phương, hướng vào phục vụ cải cách hành chính, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn mới. Đồng thời, tỉnh cũng ưu tiên chuyển giao tiến bộ KH&CN gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm; ứng dụng nhanh thành tựu KH&CN vào các lĩnh vực: Nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh: vật liệu xây dựng, nông, lâm, thủy sản...” [10].

Những năm qua, Quảng Ninh đang thực thi nhiều biện pháp mạnh mẽ để nâng cao, thúc đẩy tiềm lực KH&CN. Tỉnh đang tập trung xây dựng chính sách đặc thù, phát triển cơ sở hạ tầng, hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm sớm xây dựng thành công Mô hình tiên tiến về phát triển KH&CN. Cùng với các nỗ lực trong nước, Bộ KH&CN cũng đã chỉ đạo các cơ quan đại diện của Bộ ở nước ngoài hỗ trợ tỉnh trong việc tìm kiếm công nghệ, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu mở rộng thị trường, xúc tiến đầu tư. Tỉnh cũng đã có kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên

tiên trong các lĩnh vực bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm thủy, hải sản, quan tâm đổi mới công nghệ phục vụ việc duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống đồng thời hỗ trợ các chương trình nhân các loại giống mới, có năng suất, chất lượng cao, các mô hình tiên tiến trong việc ứng dụng KH&CN vào công tác quản lý, sản xuất và nghiên cứu khoa học. Mặt khác, Quảng Ninh cũng đang chú trọng phát triển các trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm khuyến nông, trung tâm khuyến ngư, chi cục tiêu chuẩn, đo lường chất lượng...

Hiện nay, tỉnh đang nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng và triển khai dự án: “*Xây dựng khu nghiên cứu, chuyển giao, ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh*” đồng thời tích cực hỗ trợ tỉnh thực hiện dự án: “*Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi và sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ các loài hải sản có giá trị dinh dưỡng cao tại Quảng Ninh*”<sup>7</sup>. Phấn đấu đến năm 2020 “*Hình thành Khu công nghệ cao Quảng Ninh có các chức năng nghiên cứu, ươm tạo, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý, văn hóa, giáo dục, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% trong GDP của tỉnh*” [11].

<sup>6</sup> Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động phối hợp với một số trường Đại học, Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế tổ chức một số chương trình đào tạo, tập huấn cho các chuyên gia, cán bộ quản lý trung cao cấp trong tỉnh. Trong đó, Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh đã phối hợp với Viện Chính sách và Quản lý thuộc Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG HN) tổ chức một số lớp đào tạo về “Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách”. Các chương trình đào tạo đã và đang đem lại những kết quả hữu ích cho công tác quản lý và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

<sup>7</sup> Tạ Duy Thịnh: *Quảng Ninh phấn đấu trở thành tỉnh trọng điểm về hoạt động KH&CN*, 2011, tr.67. Quảng Ninh phấn đấu đến năm 2015 xây dựng và phát triển thương hiệu cho khoảng 30-35 nông phẩm, đặc sản, dịch vụ có thể cạnh tranh của tỉnh; khai thác, phát triển tài sản trí tuệ trong nước và quốc tế cho 250-300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó tối thiểu có 15-20 sáng chế; số lượng doanh nghiệp đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm; có từ 250-300 doanh nghiệp ứng dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Đến năm 2020, tỉnh có 70-8- sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có thế mạnh, hỗ trợ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ trong nước và quốc tế cho 700-800 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó tối thiểu có 50 sáng chế. Số lượng sáng chế, sáng kiến, đề tài khoa học được ứng dụng vào thực tế tăng gấp 2 lần so với năm 2015.

Với nhận thức con người luôn đóng vai trò trung tâm và là nhân tố quyết định mọi thành công của các kế hoạch phát triển, Quảng Ninh đang có chính sách và thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ để đào tạo và đào tạo lại, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ KH&CN nhất là các cán bộ khoa học trẻ. Hiện nay, tỉnh đang có nhiều nỗ lực để sớm phát triển Trường Đại học Hạ Long - *Trường đại học đa ngành* với mục tiêu trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý Nhà nước cho Quảng Ninh và các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, việc “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; ưu tiên dành kinh phí cho đào tạo nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao (tiến sĩ, thạc sĩ, giáo sư, phó giáo sư), tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ khoa học nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đảm bảo thu nhập và quyền sở hữu trí tuệ cho cán bộ khoa học và công nghệ nhằm phát huy mạnh mẽ tiềm năng của đội ngũ khoa học và công nghệ hiện có. Mỗi năm, tỉnh dành nguồn kinh phí cho đào tạo từ 15 đến 25 thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài” [12]. Đồng thời, Quảng Ninh cũng đang có những chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia giỏi từ các Bộ, ngành, địa phương... về tỉnh làm việc. Phần đầu đến năm 2020 có một số chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, có uy tín trong các lĩnh vực: Công nghệ sinh học, nông nghiệp, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, khoa học quản lý, tài chính, ngân hàng, y học và giáo dục.

Là địa phương có thế mạnh về phát triển kinh tế biển, trong đó có phát triển thủy, hải sản nên nhu cầu chế biến sản phẩm sau thu hoạch, nhất là thủy, hải sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu của tỉnh đang là vấn đề trọng tâm nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Quảng Ninh mong muốn có những sản phẩm thủy, hải sản đạt chất lượng cao. Tỉnh đã triển khai nhiều dự án chế biến sản phẩm từ hải sản như chế biến sứa, tu hài và hiện đang nghiên cứu để chế biến hàu, cá đối mực v.v... Tuy nhiên, các ứng dụng tiến bộ hiện đang triển khai đều ở dạng nghiên cứu chế biến phục vụ cho tiêu dùng nội địa, chưa có sản phẩm đặc hữu để xuất khẩu.

Cùng với việc xây dựng “*Quyển phát triển khoa học và công nghệ*”, tỉnh đang tìm kiếm công nghệ tiên tiến, có khả năng tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, nổi trội có thể mở rộng thị trường và đáp ứng mục tiêu xuất khẩu [13].

Biến chủ trương thành hành động, lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt chủ trương và địa điểm xây dựng *Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao* tại huyện Đông Triều và phê duyệt dự án *Khu nghiên cứu, chuyển giao và ương tạo công nghệ cao về thủy sản* tại huyện Đầm Hà; *Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ về công nghiệp giải trí* tại thành phố Hạ Long... để làm cơ sở hình thành các nhánh của “*Khu nghiên cứu, ương tạo công nghệ*” và “*Khu ương tạo doanh nghiệp*” của tỉnh Quảng Ninh. Tỉnh đã dành 32 tỷ đồng cho việc phát triển thương hiệu 21 sản phẩm đặc trưng của Quảng Ninh<sup>8</sup>. Bên cạnh đó, 13 dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN cũng đang được triển khai với mức đầu tư 397,5 tỷ đồng, trong đó có 313 tỷ đồng từ ngân sách Nhà nước, 84,5 tỷ đồng từ các nguồn vốn huy động từ xã hội.

Đặt Quảng Ninh trong sự phát triển chung của các tỉnh Bắc Bộ có thể thấy, Quảng Ninh đang chủ động hướng tới việc đề xuất một *Mô hình quản lý tổng hợp*, phục vụ phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên, môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Trong các hoạt động KH&CN, tỉnh đang có gắng hoàn thiện quy trình công nghệ dự báo đánh cá xa bờ đối với 3 nghề câu, rê và vây. Thực hiện chủ trương chuyển từ khai thác ven bờ ra xa bờ, một số đề tài nghiên cứu về các nguồn lợi biển không còn là sản phẩm của những kết quả điều tra tổng hợp như trước đây mà chuyển sang điều tra có

<sup>8</sup> Nội dung của các dự án đó bao gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất, quy hoạch vùng sản xuất; Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất, chế biến và các điều kiện đảm bảo sản phẩm sạch; Xác lập quyền sở hữu trí tuệ và các công cụ quản lý, phát triển thương hiệu; Xây dựng phương án phát triển thị trường, đưa sản phẩm ra thị trường. Xem Trần Văn Quang: *Nhìn lại một năm Chương trình phối hợp hoạt động KH&CN giữa Bộ KH&CN và UBND tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015*, Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 643, tr.46.



định hướng, tập trung vào các đối tượng cụ thể nhất là lượng cá nổi lớn như cá thu, cá ngừ và một số sinh vật biển.

Trên thực tế, trong các chương trình nghiên cứu biển và đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, từ năm 2001, theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam với sự tham gia của bốn viện: Viện Hóa học và các hợp chất thiên nhiên, Viện Nghiên cứu ứng dụng Nha Trang, Viện Hóa sinh biển và Viện Tài nguyên môi trường biển, đã chủ trì triển khai cụm công trình “*Khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên sinh vật biển Việt Nam nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị, phục vụ cuộc sống*”. Việc tiến hành các công trình nghiên cứu nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị từ tài nguyên sinh vật biển đang trở thành nhu cầu của đông đảo các tầng lớp xã hội hiện nay. Trên cơ sở các thành tựu nghiên cứu, trong những năm qua, các công ty hóa dược Việt Nam đã chế tạo thành công các sản phẩm: Cốt thoát vương, Hasamin, Cefish, Bionamine... là những sản phẩm thực phẩm chức năng được làm từ các nguồn tài nguyên sinh vật biển nước ta có chức năng bổ sung Omega 3, cải thiện chuyển hóa lipit máu ở người có bệnh tim mạch, hỗ trợ điều trị tình trạng thoái hóa cột sống, thoát vị đĩa đệm hay giúp tăng cường thể lực cho các vận động viên thể thao...

Các nhà nghiên cứu đã thu thập được hơn 400 mẫu sinh vật biển, tiến hành nghiên cứu, sàng lọc các hoạt tính sinh học của một số loài hải miên, hải sâm đồng thời tập trung nghiên cứu sâu về thành phần hóa học của các hợp chất của một số loài. Các tác giả đã phát hiện ra 247/405 mẫu có chứa các hoạt tính kháng sinh và phòng chống ung thư tiêu biểu là: Hải miên cành (*Haliclona-SP*), Bọt biển xốp đen (*Icriniaechinata*), Cầu gai (*Diaema setosum*), Hải sâm (*Holothuria vagabunda*) và (*Holothuria scabra*). Các nhà khoa học đã tách chiết và xác định được cấu trúc của 30 chất sạch trong đó có 4 chất mới được phân lập từ thiên nhiên. Các chất sạch đó có hoạt tính kháng sinh và phòng chống ung thư cao, có khả năng ức chế sự phát triển của tế bào ung thư vú,

vòm họng và một số loại ung thư khác. Điều đáng chú ý là, các loài sinh vật biển có giá trị đó đều có ở nhiều vùng biển Việt Nam trong đó có khu vực biển Đông Bắc - Vân Đồn.

Kết quả nghiên cứu mở ra khả năng cho Việt Nam có thể bào chế các loại thuốc ngăn ngừa tế bào ung thư, thậm chí chống ung thư trong tương lai. Mặt khác, trên phương diện xã hội, các kết quả nghiên cứu cũng làm thay đổi quan niệm từ việc chú trọng khai thác các sản phẩm *phục vụ nhu cầu thực phẩm* sang khai thác sản phẩm *nâng cao chất lượng cuộc sống* và các sản phẩm có giá trị dược liệu, làm thuốc chữa bệnh. Kết quả nghiên cứu còn cung cấp nguồn tư liệu tổng quát về các nhóm dược liệu, khu vực chứa dược liệu và quy trình chiết xuất các dược liệu, số liệu về hoạt tính sinh học của các mẫu, các hoạt chất mới có hoạt tính sinh học trong tài nguyên sinh vật biển nước ta. Những thành tựu đạt được cũng khuyến khích các nhà khoa học, quản lý nỗ lực tìm kiếm, sáng tạo nhằm góp phần phát triển kinh tế biển đảo, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật biển phục vụ công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng [14].

### 3. Một vài nhận xét

Ý thức về biển, về tiềm năng kinh tế biển, về triển vọng phát triển của Việt Nam trong “Thế kỷ đại dương” đã, đang và cần được “thể hiện đầy đủ trong chính sách phát triển của những ngành có liên quan và những địa phương có biển” [15]. Về định hướng chiến lược quốc phòng và an ninh, đối ngoại, *Chiến lược biển Việt Nam* xác định: “Nhiệm vụ cơ bản, lâu dài và thường xuyên là xác lập chủ quyền đầy đủ, quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán vùng biển, thềm lục địa... Nhiệm vụ trước mắt là phải bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo, duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển... Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển đảo của Tô quốc” [16].

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, Vân Đồn không chỉ là một trung tâm thương mại quốc tế mà còn là một trung tâm giao lưu và dịch vụ hàng hải gắn kết với các hoạt động tài chính, ngân hàng. Vân Đồn không chỉ đảm đương chức năng vận tải biển với các cảng nước sâu, đón các tàu buôn trọng tải lớn mà còn là một trung tâm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp của Quảng Ninh và cả nước.

Vân Đồn ngày nay không chỉ khai thác tiềm năng tự nhiên, với các nguồn thủy, hải sản ven bờ mà đã vươn ra khai thác các luồng cá đại dương với các đoàn tàu đánh bắt xa bờ và công nghệ chế biến hiện đại. Cùng với những chuyên biển chung của đất nước, trong sự phát triển của Quảng Ninh - Vân Đồn hiện nay có sự hợp lưu của những nguồn lực trí tuệ. Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đang trở thành lĩnh vực chủ đạo, giữ vai trò tiên phong trong mọi kế hoạch phát triển và hoạt động đời sống xã hội. Tỉnh Quảng Ninh đã xác định KH&CN, đặc biệt là công nghệ sinh học biển, công nghệ môi trường... là những lĩnh vực trọng tâm để tạo ra các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao, bảo đảm sự phát triển xanh, bền vững. *KH&CN được coi là động lực tạo nên các bước đột phá cho việc thực hiện các dự án kinh tế - xã hội của Vân Đồn, Quảng Ninh cũng như toàn bộ vùng kinh tế trọng điểm châu thổ sông Hồng.*

### Lời cảm ơn

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài Quỹ hỗ trợ Nghiên cứu châu Á - ĐHQG HN (Quyết định số 66/QĐ-NCCA, Hợp đồng số 14/2014/HĐĐT).

### Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Quang Hiến, Chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về kết hợp phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo (1986-2007), trong Khoa Lịch sử, Trường ĐH KH&NV – Ban Quản lý các di tích trọng điểm Quảng Ninh: Kỳ yếu Hội thảo khoa học “Thương cảng Vân Đồn - Lịch sử, tiềm năng kinh tế và các mối giao lưu văn hóa”, H., 2008, tr.188-202.
  - [2] Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010-2015. Công thông tin điện tử Quảng Ninh: quangninh.gov.vn/VN/Trang kinh tế xã hội.
  - [3] Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Vân Đồn: Vân Đồn - Tiềm năng và cơ hội đầu tư, Nxb. Khoa học Xã hội, H., tr.83-84.
  - [4] Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 5-5-2012 Tỉnh ủy Quảng Ninh về “Phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”, QN, 2012, tr.1.
  - [5] Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 – 2020, Hạ Long, 2015, tr.98.
  - [6] Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh về “Phát triển Khoa học và công nghệ...”, 2012, tr.3.
  - [7] Phát biểu của Bí thư Tỉnh ủy Phạm Minh Chính. Dẫn theo Quang Thọ: Quảng Ninh - Rộng mở tầm nhìn, Báo Nhân Dân, số Xuân Quý Ty, 3013, tr.40.
  - [8] Trần Văn Quang: Nhìn lại một năm Chương trình phối hợp hoạt động KH&CN giữa Bộ KH&CN và UBND tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, Tạp chí Hoạt động Khoa học, Bộ KH&CN, số 643, tháng 12-2012, tr.43.
  - [9] Nguyễn Quân: Phát triển KH&CN ở tầm cao mới, Tạp chí Hoạt động Khoa học, Bộ KH&CN, số 642, tháng 11-2012, tr.8.
  - [10] Tạ Duy Thịnh: Quảng Ninh phấn đấu trở thành tỉnh trọng điểm về hoạt động KH&CN, Tạp chí Hoạt động Khoa học, Bộ KH&CN, số 631, tháng 12-2011, tr.66.
  - [11] Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh về “Phát triển Khoa học và công nghệ...”, 2012, tr.4.
  - [12] Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh về “Phát triển Khoa học và công nghệ...”, 2012, tr.5.
  - [13] Trần Văn Quang: Nhìn lại một năm Chương trình phối hợp hoạt động KH&CN giữa Bộ KH&CN và UBND tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 643, tr.45.
  - [14] Nguyễn Khôi: Tạo các sản phẩm có giá trị từ tài nguyên sinh vật biển. Báo Nhân Dân, số 20660, ngày 3-4-2012, tr.5.
  - [15] Đảng Cộng sản Việt Nam: Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Sdd, tr.84.
  - [16] Đảng Cộng sản Việt Nam: Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Sdd, tr.78-79.
- [1] Vũ Quang Hiến, Chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về kết hợp phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo (1986-2007), trong Khoa Lịch sử, Trường ĐH KH&NV – Ban Quản lý các di tích trọng điểm Quảng Ninh: Kỳ

## Van Don - Quang Ninh in Vietnam's Maritime Strategy Potentials and Development Prospects

Nguyen Van Kim

*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Developing Van Don - Quang Ninh, a focal economic zone, the local government and people have been making efforts to promote the area's cultural values as well as its fearless and indomitable traditions to awaken patriotism and national pride among the local people. That is the conception of development closely linked to Vietnamese stuff and spirit. In the new context and political thinking, Van Don is gradually recovering its position as a bridge between economic activities and cultural exchanges, thus converging Vietnam's cultural values and those of regional and global nations.

In the context of regional cooperation is becoming more and more powerful as well as an East Asian cooperation community is gradually formed, the Decision of the Government to establish Van Don Economic Zone is completely accurate, in accordance with the trends of economic life and regional politics. Van Don is identified as an integrated economic area, aiming to exploit, promote and embrace the opportunities for regional development. That decision is even more meaningful when Vietnam has been implementing the sea strategy for strengthening and expanding international cooperation for the stability and prosperity of East Asia, Asia and the world.

*Keywords:* Van Don, Quang Ninh, sea economy potentials, sea strategy.